

Số:18B/HDQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2016

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Sửa đổi Điều lệ hoạt động của Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2012/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Xây dựng công trình và đầu tư 120.
- Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét việc sửa đổi Điều lệ hoạt động của Công ty như sau:

Điều khoản	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Căn cứ sửa đổi
Căn cứ xây dựng Điều lệ	- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 - Luật Kế toán số 03/2003/QH 11 ngày 17/6/2003. - Nghị định 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp.	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13	
Điều 1 – Khoản 7	“Người có liên quan” là vợ, chồng, bố (cha), bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của người quản lý Công ty	“Người có liên quan” là vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu chị em ruột của người quản lý Công ty hoặc của cổ đông sở hữu cổ phần chi phối	Khoản 17.đ Điều 4 Luật Doanh nghiệp về giải thích từ ngữ
Điều 2 - Khoản 2	Công ty Cổ phần Xây dựng công trình và đầu tư 120 (sau đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt	Công ty Cổ phần Xây dựng công trình và đầu tư 120 (sau đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật	

	động theo Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCNVN khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005	Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCNVN khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014	
Điều 3 – Khoản 2	Công ty được thành lập các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, xí nghiệp, văn phòng đại diện, ... trong phạm vi cả nước và ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật hiện hành	Công ty được thành lập các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện, ... trong phạm vi cả nước và ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật hiện hành	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp và thực trạng công ty
Điều 5 - Khoản 2	“Công ty có thể được mở rộng, thu hẹp, hoặc thay đổi phạm vi hoạt động do Đại hội đồng Cổ đông quyết định”	“Công ty có thể được mở rộng, thu hẹp, chia tách thành nhiều công ty, hoặc thay đổi phạm vi hoạt động do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và không vi phạm quy định của pháp luật”	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp và thực trạng công ty
Điều 7	Gồm 6 khoản	Bỏ các khoản 4, 5, 6	- Phù hợp với thực trạng quản trị của công ty - Hiện nay, Cienco 1 đã thoái toàn bộ vốn tại CICECO 120
Điều 8: Sửa đổi các khoản sau			
Khoản 1	Tổ chức Đảng trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các qui định của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Đảng bộ (chi bộ) Đảng cộng sản Việt nam trong Công ty chịu sự lãnh đạo và quản lý của Đảng bộ Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1	Tổ chức Đảng trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các điều lệ, qui định của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Hiện nay, Cienco 1 đã thoái toàn bộ vốn tại CICECO 120
Khoản 2	Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến Pháp và	Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến Pháp và pháp luật của	Hiện nay, Cienco 1 đã thoái toàn bộ vốn tại CICECO 120

	pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, theo luật, điều lệ của từng tổ chức, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của cấp uỷ Đảng, quản lý của Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức chính trị – xã hội của Tổng công ty.	nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, theo luật, điều lệ của từng tổ chức	
Điều 9		Bỏ Khoản 4 “Cơ cấu vốn vào ngày thông qua điều lệ”	Hiện nay, Cienco 1 đã thoái toàn bộ vốn tại CICECO 120
Điều 10 - Khoản 7	Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các Luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà ĐHĐCĐ đã cho phép được quy định trong Điều lệ này. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ hoặc có thể được chào bán theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. HĐQT Công ty là cơ quan có thẩm quyền quyết định việc mua lại, nắm giữ hoặc chào bán cổ phần ngân quỹ nêu trên	Công ty có thể mua cổ phần của chính mình theo những cách thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các Luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà ĐHĐCĐ đã cho phép được quy định trong Điều lệ này. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phiếu quỹ hoặc có thể được chào bán theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. HĐQT Công ty là cơ quan có thẩm quyền quyết định việc mua lại, nắm giữ hoặc chào bán cổ phiếu quỹ nêu trên	Thay đổi thuật ngữ « Cổ phần ngân quỹ » bằng thuật ngữ « Cổ phiếu quỹ » để phù hợp với Luật Chứng khoán
Điều 12 - Khoản 1.4	Tên Cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần	Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức. Số lượng cổ	Khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp về sổ đăng ký cổ đông

		phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.	
Điều 13		Bỏ Khoản 1.1	Không còn phù hợp với thực trạng Công ty
Điều 14 - Khoản 1	Cổ phần của các thành viên HĐQT trong thời gian đương nhiệm không được chuyển nhượng, trừ những trường hợp đặc biệt hoặc thừa kế sẽ do HĐQT xem xét và giải quyết theo qui định của pháp luật. Trường hợp các thành viên HĐQT muốn chuyển nhượng phải được sự đồng ý của 100% thành viên HĐQT và phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu cổ phần tối thiểu theo quy định	Thành viên HĐQT trước khi chuyển nhượng cổ phần phải thông báo đến các thành viên HĐQT còn lại chậm nhất 15 ngày trước ngày diễn ra giao dịch chuyển nhượng	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp và thực trạng quản trị của Công ty
Điều 18: Sửa đổi các khoản sau			
Khoản 1	“Mọi cổ đông có các quyền cơ bản sau đây”	“Cổ đông có các quyền sau đây”	
Khoản 1.4	Cổ đông được tham dự Đại hội đồng cổ đông	Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết	Khoản 1.a Điều 114 Luật Doanh nghiệp về quyền của cổ đông phổ thông
Khoản 1.5	Được cung cấp thông tin định kỳ hay đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty	Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Khoản 1.e Điều 114 Luật Doanh nghiệp về quyền của cổ đông phổ thông
Khoản 1.6	Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp ĐHĐCĐ sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ	Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác	Khoản 1.đ Điều 114 Luật Doanh nghiệp về quyền của cổ đông phổ thông
Khoản 1.7	Được quyền yêu cầu Công	Được quyền yêu cầu Công ty	Khoản 1 Điều

	ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 64.1 của Luật Doanh nghiệp	mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Khoản 1 Điều 129 Luật Doanh nghiệp	129 Luật Doanh nghiệp về Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông
Khoản 1.10	Các cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến 15% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên ngoài các quyền từ 1.1 đến 1.9 đã nêu ở trên có thêm các quyền sau....	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây: • Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát • Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát • Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 1.11 Điều này • Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích	Theo quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp và phù hợp với thực tế quản trị của Công ty

		kiểm tra	
Khoản 1.11	Các cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông sở hữu trên 15% đến 30% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên ngoài các quyền từ 1.1 đến 1.10 đã nêu ở trên có thêm các quyền sau...	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1.10 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: • Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính; • Có dấu hiệu thất bại trong hoạt động kinh doanh; • Có dấu hiệu về tham nhũng hoặc cố ý gây thiệt hại cho Công ty của HĐQT, BKS, Ban điều hành. • Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. • Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài	Theo quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp và phù hợp với thực trạng quản trị của Công ty

		liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.	
Khoản 1.12	Các cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông sở hữu trên 30% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên ngoài các quyền từ 1.1 đến 1.10 đã nêu ở trên có thêm các quyền sau...	Chủ động tìm kiếm công việc và tổ chức thực hiện	
Khoản 1.13	Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông sở hữu ít nhất từ 10% vốn điều lệ được yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông bất thường khi: • Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính; • Có dấu hiệu thất bại trong hoạt động kinh doanh; • Có dấu hiệu về tham nhũng hoặc cố ý gây thiệt hại cho Công ty của HĐQT, BKS, Ban điều hành	Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty	
Khoản 1.14		Bỏ khoản 1.14	
Điều 19: Sửa đổi các khoản sau			
Khoản 2		Bổ sung: - Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên” - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty	- Khoản 4 Điều 132 Luật Doanh nghiệp về trả cổ tức
Bổ sung Khoản 4		Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phần của công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt	- Khoản 3 Điều 132 Luật Doanh nghiệp về trả cổ tức - Khoản 6 Điều

		Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông	132 Luật Doanh nghiệp về trả cổ tức
Bổ sung Khoản 5		Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức	
Điều 23: Sửa đổi các khoản sau			
Khoản 1.1.1		Bổ sung: - Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp về thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
Khoản 1.2.1.đ	Khi số thành viên của HĐQT ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ	Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát giảm quá một phần ba so với số thành viên quy định tại Điều lệ này	Khoản 3.a Điều 156 Luật Doanh nghiệp về miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
Khoản 1.2.1		Bổ sung điểm f: - Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát	Khoản 3.d Điều 136 Luật Doanh nghiệp về thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
Khoản 2	ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường hợp lệ là khi có số Cổ đông tham dự đại hội đại diện cho ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên	ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường hợp lệ là khi có số Cổ đông tham dự đại hội đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên (kể cả số cổ	Điều 141 Luật Doanh nghiệp về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

	(kể cả số cổ phần được ủy quyền). Trường hợp tổ chức một lần nhưng số đại biểu đến dự không nắm giữ đủ 65% số cổ phần có quyền biểu quyết thì HĐQT sẽ tổ chức lần hai trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày triệu tập lần thứ nhất. ĐHĐCĐ tổ chức lần hai hợp lệ là khi có số Cổ đông tham dự đại hội đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên (kể cả số cổ phần được ủy quyền). Trường hợp tổ chức lần hai nhưng số đại biểu đến dự không nắm giữ đủ 51% số cổ phần có quyền biểu quyết thì HĐQT sẽ tổ chức lần ba trong thời gian không quá 20 ngày kể từ ngày triệu tập lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp	phần được ủy quyền). Trường hợp tổ chức một lần nhưng số đại biểu đến dự không nắm giữ đủ 51% số cổ phần có quyền biểu quyết thì HĐQT sẽ tổ chức lần hai trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày triệu tập lần thứ nhất. ĐHĐCĐ tổ chức lần hai hợp lệ là khi có số Cổ đông tham dự đại hội đại diện cho ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên (kể cả số cổ phần được ủy quyền). Trường hợp tổ chức lần hai nhưng số đại biểu đến dự không nắm giữ đủ 33% số cổ phần có quyền biểu quyết thì HĐQT sẽ tổ chức lần ba trong thời gian không quá 20 ngày kể từ ngày triệu tập lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp	
--	--	---	--

Điều 24: Sửa đổi các khoản sau

Khoản 3	Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị	Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Khoản 2 Điều 135
Khoản 11	Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất	Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất	Khoản 2.d Điều 135 Luật Doanh nghiệp về Đại hội đồng cổ đông
Khoản 13	Công ty hoặc các chi nhánh	Công ty hoặc các chi nhánh	Khoản 1 Điều

	nào của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 87.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán	nào của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán	162 Luật Doanh nghiệp về hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận
Điều 25 - Khoản 2	Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ phải được gửi bằng văn bản cho các Cổ đông trước 07 (bảy) ngày đối với ĐHĐCĐ thường niên, hoặc 10 (mười) ngày đối với ĐHĐCĐ bất thường và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc được thông báo tại trụ sở chính của Công ty	Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ phải được gửi bằng văn bản cho các Cổ đông trước 10 (mười) ngày và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc được thông báo tại trụ sở chính của Công ty	Khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp về mời họp Đại hội đồng cổ đông
Điều 26 - Khoản 2	Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải lập bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Bản kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần, các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp	Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải lập bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Bản kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần, các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp	Theo quy định tại Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp và phù hợp với thực tế quản trị của Công ty
Điều 28: Sửa đổi các khoản sau			
Khoản 2.1	Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận	Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận	Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp về điều kiện đề nghị quyết được thông qua
Khoản 2.2	Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán	Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của	Khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp về điều

	của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận	từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận	kiện đề nghị quyết được thông qua
Khoản 3	Trường hợp thông qua quyết định của ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện trên 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận	Trường hợp thông qua quyết định của ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận	Khoản 4 Điều 144 Luật Doanh nghiệp về điều kiện đề nghị quyết được thông qua
Điều 30: Sửa đổi các khoản sau			
Khoản 2	HĐQT có 05 thành viên do ĐHĐCĐ bầu, hoặc miễn nhiệm	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Điều 24 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
Bổ sung khoản 3		Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên	Điều 24 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

		20% đến 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ trên 30% đến 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ trên 40% đến 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ trên 50% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên	
Bổ sung khoản 4		Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử	
Bổ sung khoản 5		Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông	

		chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực	
Bổ sung khoản 6		Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	
Điều 31: Sửa đổi các khoản sau			
Khoản 1	“Cổ đông ứng cử vào HĐQT phải là người có đủ các điều kiện sau”	“Cổ đông ứng cử hoặc được đề cử vào HĐQT phải là người có đủ các điều kiện sau”	
Khoản 1.1	Là Cổ đông của công ty, sở hữu hoặc được đề cử bởi nhóm Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng	Được đề cử bởi cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng	Khoản 1 Điều 18 Điều lệ sửa đổi
Bổ sung khoản 4		Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của công ty	Điều 24 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
Bổ sung khoản 5		Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị	

		luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty; c) Thành viên đó bị chết hoặc bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ công ty về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần; đ) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; e) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống; f) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. g) Cổ đông pháp nhân mà thành viên Hội đồng quản trị đó đại diện, mất tư cách pháp nhân h) Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quy định của Tòa án	
Điều 32		Bổ sung nội dung: “Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi	Khoản 3 Điều 150 Luật Doanh nghiệp

		có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc”	
Điều 34 - Khoản 3	- Có khoản 3.10 - Tại khoản 3.11: “Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. Thông qua hợp đồng mua bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong Sổ kế toán của Công ty”	- Bỏ khoản 3.10 của Điều lệ cũ - Sửa nội dung khoản 3.11 của Điều lệ cũ thành khoản 3.10: “Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. Thông qua hợp đồng mua bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong Sổ kế toán của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp” - Thêm khoản 3.24: “Các quyền khác theo quy định của pháp luật”	Khoản 2.h Điều 149 Luật Doanh nghiệp về hội đồng quản trị
Điều 35 - Khoản 1	Sau khi được ĐHĐCĐ bầu, HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao toàn bộ lao động, các hồ sơ tài liệu của Công ty và các công việc còn lại của Ban đổi mới Quản lý Doanh nghiệp (hoặc HĐQT tiền nhiệm). HĐQT hoàn tất các công việc còn lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những việc đó.	Sau khi được ĐHĐCĐ bầu, HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận các công việc còn lại của HĐQT tiền nhiệm. HĐQT hoàn tất các công việc còn lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những việc đó.	Phù hợp với thực trạng của Công ty
Điều 36 - Khoản 3	Cuộc họp HĐQT chỉ được tiến hành khi có từ 3/4 số thành viên trở lên tham dự. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch	Cuộc họp HĐQT chỉ được tiến hành khi có từ 3/4 số thành viên trở lên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường	Khoản 8 Điều 153 Luật Doanh nghiệp về cuộc họp hội đồng quản trị

	HĐQT	hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT	
Điều 40 - Khoản 3	Tiêu chuẩn Giám đốc Công ty: Không vi phạm điều 9 luật Doanh nghiệp, không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác	Tiêu chuẩn Giám đốc Công ty: Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp, không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác	Khoản 1 Điều 65 Luật Doanh nghiệp về tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc, Tổng giám đốc
Điều 47: Sửa đổi các khoản sau			
Khoản 1.a	Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong Sổ kế toán của Công ty thì phải được ĐHĐCĐ chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết	Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Sổ kế toán của Công ty thì phải được ĐHĐCĐ chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết	Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp về hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận
Khoản 1.b	Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong Sổ kế toán của Công ty thì phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký. Thành viên HĐQT hoặc thành viên HĐQT có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có	Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Sổ kế toán của Công ty thì phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký. Thành viên HĐQT hoặc thành viên HĐQT có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết	Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp về hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

	quyền biểu quyết		
Điều 48: Sửa đổi các khoản sau			
Khoản 1	Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên trong đó có ít nhất một thành viên có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên	Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên	Khoản 1 Điều 163 Luật Doanh nghiệp về Ban kiểm soát
Khoản 3	Nhiệm kỳ của kiểm soát viên cùng nhiệm kỳ với thành viên HĐQT. Trong nhiệm kỳ nếu có khuyết thành viên Ban Kiểm soát thì ĐHĐCĐ gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín	Trong nhiệm kỳ nếu có khuyết thành viên Ban Kiểm soát thì ĐHĐCĐ gần nhất phải bầu bổ sung. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ	Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp về Ban kiểm soát
Khoản 5	Thành viên Ban Kiểm soát phải là Cổ đông của Công ty hoặc đại diện cho Cổ đông là pháp nhân	Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.	Khoản 1.c Điều 164 Luật Doanh nghiệp về tiêu chuẩn của kiểm soát viên
Khoản 7		Bổ sung: “Trường Ban kiểm soát phải	Khoản 2 Điều 163 Luật Doanh

		là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty”	nghiệp về Ban kiểm soát
Bổ sung khoản 10		Các cổ đông có quyền gộp số cổ phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên, từ trên 30% đến 50% được đề cử tối đa hai ứng viên, từ trên 50% trở lên được đề cử tối đa ba ứng viên	Điều 32 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng
Bổ sung khoản 11		Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử	
Điều 50 – Khoản 2.2	Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong các trường hợp. - Khi các thành viên Ban Kiểm soát xét thấy cần	Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong các trường hợp. - Khi các thành viên Ban Kiểm soát xét thấy cần thiết. - Khi có quyết định của ĐHCĐ.	

	thiết. - Khi có quyết định của ĐHĐCĐ. - Khi có yêu cầu của HĐQT. - Khi có yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông đa số quy định tại điểm 1.13 Điều 18 của Điều lệ này	- Khi có yêu cầu của HĐQT. - Khi có yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại điểm 1.10 Điều 18 của Điều lệ này	
Điều 51 – Khoản 3	Công ty phải chấp hành công tác kế toán theo hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành	Công ty phải chấp hành công tác kế toán theo Luật kế toán và hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp do pháp luật quy định	
Điều 54	1. Theo các quy định về chế độ tài chính của Việt Nam với các Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty được tính: - Lợi nhuận = Tổng thu nhập - Tổng chi phí - Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận - Thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản khác (nếu có). 2. Các quỹ hình thành từ lợi nhuận: Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, Công ty phải trích lập các quỹ: 2.1 Quỹ dự phòng tài chính: ít nhất bằng 10% lợi nhuận ròng để bổ sung vốn điều lệ và để dự trữ tài chính cho năm sau. Tỷ lệ trích các quỹ khác do HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên xem xét và	1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. 2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty. 3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu. 4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này. 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt,	Điều lệ mẫu ban hành kèm theo thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng

	biểu quyết thông qua gồm: - Quỹ Đầu tư phát triển tối đa: 5% - Quỹ Khen thưởng và phúc lợi tối thiểu: 5% Riêng Quỹ Đầu tư phát triển được trích hàng năm và cứ đến khi bằng 10% Vốn điều lệ sẽ được bổ sung vào Vốn điều lệ. HĐQT có trách nhiệm xây dựng Quy chế phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ để trình ĐHCĐ quyết định cụ thể cho từng năm kế hoạch	Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. 6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. 7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	
Điều 65	Con dấu của Công ty được khắc và sử dụng theo quy định của pháp luật	1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của	- Điều 44 Luật Doanh nghiệp về con dấu của doanh nghiệp - Nghị định số

		luật pháp. 2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành	96/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp
Điều 67		Bỏ Điều 67 của Điều lệ cũ	Không còn phù hợp với thực trạng công ty
Điều 68	“Điều lệ này gồm 10 chương 68 Điều, đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua và biểu quyết chấp thuận toàn bộ vào ngày 30 tháng 10 năm 2010. ĐHĐCĐ nhất trí uỷ quyền cho Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty ký tên vào bản Điều lệ này.”	<u>Chuyển thành điều 67 Điều lệ mới, đồng thời sửa đổi như sau:</u> “Điều lệ này gồm 10 chương 67 Điều, đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua và biểu quyết chấp thuận toàn bộ vào ngày 02 tháng 08 năm 2016. ĐHĐCĐ nhất trí uỷ quyền cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT của Công ty ký tên vào bản Điều lệ này.”	

Hội đồng Quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH